

Bản án số: 13/2024/ DS-PT

Ngày 19/7/2024

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho và ông Huỳnh Nguyễn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:* Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 13/5/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H; địa chỉ: Số B B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Khánh L; địa chỉ: Số E H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum và ông Hoàng Đăng Minh H; địa chỉ: Số E T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023 và ngày 01/3/2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh T1, vắng mặt, sinh năm 1983 và chị Phạm Thị Thu H1, có mặt, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền, vụ án được tóm tắt như sau:

*Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng H5) ký Hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022, cho ông Phan Thanh T1 và bà Phạm Thị Thu H1 vay số tiền 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*), mục đích bổ sung vốn kinh doanh nông sản – thu mua cà phê, thời hạn là 12 tháng, kể từ ngày 27/01/2022 đến ngày 27/01/2023. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 và bà H1 số tiền 1.900.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4652/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 27/01/2022 (sau đây gọi tắt là Khế ước 01), với thời hạn 06 tháng từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/07/2022, lãi suất vay trong hạn 10.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông T1 và bà H1 thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm 02 thửa đất số 443 và số 444 tờ bản đồ số 25; địa chỉ: TDP B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 957080, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09036 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 957081, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09037, đều do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 18/01/2022. Theo Hợp đồng thế chấp số 3869/22MN/HĐBĐ ngày 27/01/2022, đã được công chứng và đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Ngày 27/7/2022, ông T1 đến Ngân hàng làm thủ tục đáo hạn đối với số tiền vay 1.900.000.000 đồng theo Khế ước 01. Ngân hàng cho ông T1 vay lại và giải ngân số tiền vay 1.900.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 4652/22MN/HĐTD/KUNN02 ngày 27/7/2022 (sau đây gọi tắt là Khế ước 02); thời hạn là 06 tháng từ ngày 28/7/2022 đến ngày 27/01/2023, lãi suất vay trong hạn 10.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần (sau 03 tháng sẽ áp dụng LS13 loại 1 áp dụng 9.5%/năm, cộng biên độ 4% là 13.5%/năm), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ông T1 còn ký với Ngân hàng hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 20/7/2022, hạn mức 20.000.000 đồng.

Đến hạn hợp đồng, ông T1 và bà H1 chưa thanh toán được đủ tiền lãi và tiền gốc theo thỏa thuận; ngân hàng đã đôn đốc nhưng ông T1 và bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên ngân hàng H5 khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông T1 và bà H1 phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 09/4/2024 là: 2.385.544.698 đồng (*Hai tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc: 1.899.999.996 đồng; nợ lãi trong hạn 21.289.914 đồng; nợ lãi quá hạn là 464.254.788 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022, Khế ước 02 ngày 27/7/2022 cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu ông T1 và bà H1 không trả được hoặc trả đủ nợ thì xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán khoản nợ, nếu tài sản thế chấp không đủ thì ông T1 và bà H1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ.

- Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, buộc ông T1 phải thanh toán số tiền 37.902.232 đồng; trong đó: Nợ gốc 19.339.728 đồng; nợ lãi là 18.562.502 đồng (tính từ ngày 20/7/2022 đến ngày 09/4/2022) và phải thanh toán phần nợ lãi quá hạn, lãi thẻ tín dụng, phí thẻ tín dụng phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận đã ký kết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thanh T1 trình bày:* Thống nhất quá trình vay, nhận nợ và thỏa thuận như Ngân hàng H5 trình và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng H5. Ngày 27/7/2022, do đến hạn trả nợ theo khế ước nhận nợ ngày 27/01/2022 nhưng vợ chồng anh không có tiền nên đã mượn của anh Trịnh Văn H2 để đáo hạn và có cam kết là sẽ trả nợ trong ngày. Sau đó, anh T1 đưa khế ước nhận nợ ngày 27/7/2022 về cho chị H1 ký nhưng vì chị H1 bận đi dạy nên không ký được, để có tiền trả lại cho anh H2 nên anh đã ký thay chị H1.

\* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Thu H1 trình bày Tại bản tự khai và biên bản hoà giải cùng ngày 11/9/2023:* Chị thừa nhận vào ngày 27/01/2022, chị và anh T1 có vay của Ngân hàng H5 và nhận số tiền 1.900.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 27/01/2022. Nay ngân hàng khởi kiện vì anh, chị không trả được gốc và lãi nên chị đồng ý cùng anh T1 trả gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng. Khi vay vợ chồng chị có thế chấp 02 tài sản là nhà, đất tại đường N, tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, trong trường hợp chị và anh T1 không trả được gốc và lãi thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với nợ thẻ tín dụng anh T1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng.

Đến ngày 14/9/2023, chị H1 thay đổi ý kiến: Chị không đồng ý trả tiền vay cho Ngân hàng H5 theo hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022 và Khế ước 02 ngày 27/7/2022. Chị H1 cho rằng số tiền vay của ngân hàng A T1 sử dụng vào mục đích cá nhân, không sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình và nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị không ký vào giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước 02. Ngoài ra, vợ chồng chị có nguồn tiền để trả cho ngân hàng, do tháng 4/2022 vợ chồng chị có bán cho ông Nguyễn Hữu S khu cafe, vui chơi Đại Nghĩa nên ông S đã chuyển vào tài khoản của anh T1 03 lần với số tiền 4,5 tỷ đồng. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án xem xét tuyên hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022, Khế ước 02 ngày 27/7/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 3869/22MN/HĐBĐ ngày 27/01/2022 vô hiệu. Tại phiên tòa chị H1 cho rằng nghĩa vụ trả nợ là của anh T1 nên không đồng ý xử lý tài sản thế chấp và đề nghị ngân hàng trả lại tài sản đứng tên Phạm Thị Thu H1 cho chị.



- *Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 người làm chứng anh Trịnh Văn H2 trình bày:* Vào ngày 27/7/2022, anh có cho anh T1 mượn số tiền 1.900.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, cùng ngày anh T1 đã trả cho anh số tiền nói trên, bằng tiền mặt.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Căn cứ Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 303; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 5; Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H đối với bị đơn anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1.

Ngoài ra còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Ngày 24/4/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS, về phần giải quyết số tiền vay theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4652/22MN/HĐTD/KUNN02 ngày 27/7/2022 và hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022 đã ký giữa Ngân hàng với anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 bị vô hiệu theo Điều 117 và 122 Bộ luật dân sự; Xử lý phần tài sản thế chấp để thu hồi nợ; phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí không đúng; bị đơn chị H1 yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nhưng không làm thủ tục thụ lý là không đúng.

Ngày 19/4/2024, bị đơn chị Phạm Thị Thu H1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án tuyên giao dịch vay tài sản của Khế ước 02 vô hiệu và ông T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà đối với phần đề nghị tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và rút phần kháng nghị còn lại. Bị đơn bà Phạm Thị Thu H1 giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp



luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc anh T1 giả chữ ký của chị H1 là vi phạm pháp luật, do đó giao dịch vay tiền không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên bị vô hiệu, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, tuyên giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4652/22MN/HĐTD/KUNN02 ngày 27/7/2022 vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà kháng nghị theo đúng trình tự thủ tục, bị đơn chị Phạm Thị Thu H1 kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

#### **[2] Xét nội dung kháng cáo và kháng nghị:**

[2.1]. Xét kháng cáo và kháng nghị về giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước 02 và Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 bị vô hiệu, thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy nhận nợ, lời khai của các đương sự và người làm chứng thể hiện: Ngày 27/01/2022, Ngân hàng H5 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD, cho anh T1, chị H1 vay số tiền 1.900.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh nông sản, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 27/01/2022 đến ngày 27/01/2023. Để bảo đảm cho khoản vay anh T1 và chị H1, ký Hợp đồng thế chấp số 3869/22MN/HĐBĐ ngày 27/01/2022, gồm 02 thửa đất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 443 và 444 tờ bản đồ số 25; địa chỉ: TDP B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 957080, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09036 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 957081, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09037, đều do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 18/01/2022.

Theo giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước 01 ngày 27/01/2022 thể hiện Ngân hàng H5 căn cứ hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD để giải ngân cho anh T1 và chị H1 số tiền 1.900.000.000 đồng, trong thời hạn 6 tháng. Đến hạn 6 tháng, ngày 27/7/2022, anh T1 vay không có lãi suất của anh Trịnh Văn H2 số tiền 1.900.000.000 đồng, để đáo hạn tại Ngân hàng và làm thủ tục đề nghị giải ngân

theo Khế ước 02, vay lại số tiền 1.900.000.000 đồng để trả lại cho anh H2. Anh T1 đã gọi điện thông báo nhưng do bận nên chị H1 không đến Ngân hàng ký được.

Còn bị đơn sau khi hòa giải thành chị H1 thay đổi ý kiến cho rằng không ký Khế ước 02 ngày 27/7/2022 và yêu cầu giám định; Tháng 4/2022 anh chị có bán khu cà phê vui chơi Đại Nghĩa, ông S đã chuyển khoản đặt cọc số tiền 4,5 tỷ nên anh T1 dùng số tiền này trả cho Ngân hàng 1,9 tỷ theo Khế ước 01.

Theo giám định số 335/KL-KTHS ngày 02/12/2023, Phòng K1 Công an tỉnh K, Giấy này không phải do chị H1 ký và viết. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 11/9/2023 (BL87, 93) chị H1 thừa nhận ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, Khế ước 01 ngày 27/01/20. Và đồng ý trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho ngân hàng; trường hợp không trả được nợ đồng ý dùng tài sản đảm bảo để phát mãi. Đối với lời khai chị H1 cho rằng, anh T1 dùng số tiền đặt cọc 4,5 tỷ để trả cho khoản vay Ngân hàng, anh T1 không thừa nhận và cho rằng số tiền đặt cọc này anh ưu tiên dùng để trả cho các khoản nợ lãi suất cao bên ngoài. Còn vay của anh H2 số tiền 1,9 tỷ trả cho Ngân hàng. Lời khai này của anh T1 phù hợp với lời khai của anh H2 và chứng cứ là tài khoản sao kê của Ngân hàng đã thu thập được (BL142).

Như vậy, mặc dù chị H1 không ký Khế ước 02 ngày 27/7/2022 nhưng có căn cứ xác định số tiền 1,9 tỷ anh T1 vay của anh H2 để thực hiện nghĩa vụ trả cho khoản nợ của anh T1 và chị H1 đã ký vay theo Khế ước 01 ngày 27/01/2022. Anh T1 vay lại số tiền 1,9 tỷ theo Khế ước 02 ngày 27/7/2022 đây là thủ tục đảo hạn tại ngân hàng nhằm mục đích để trả lại tiền cho anh H2. Việc giải ngân lần này thời hạn cũng 06 tháng là nằm trong thời hạn 12 tháng đúng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD mà các bên đã ký kết. Bản chất của K ước 02 là trả cho khoản nợ của Khế ước 01. Anh T1 không lấy số tiền vay ngày 27/7/2022 để chi tiêu cá nhân. Vì vậy, kháng cáo và kháng nghị cho rằng Khế ước 02 ngày 27/7/2022 giao dịch vô hiệu là không có căn cứ.

[2.2]. Xét kháng nghị về xử lý phần tài sản thế chấp để thu hồi nợ; phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí không đúng, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp số 3869/22MN/HĐBĐ ngày 27/01/2022, đã được anh T1, chị H3 ký, được công chứng và đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Kon Tum đúng quy định. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí cấp sơ thẩm buộc bên thua kiện chịu là đúng quy định pháp luật.

[2.3]. Xét kháng nghị về bị đơn chị H1 yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nhưng không làm thủ tục thụ lý là không đúng, thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu phản tố đưa ra sau khi hòa giải và công khai chứng cứ thì không được chấp nhận để làm thủ tục



phản tố. Tuy nhiên, yêu cầu của bị đơn chị H1 không phải là yêu cầu phản tố mà HĐXX có trách nhiệm xem xét giao dịch đó có hiệu lực hay vô hiệu để xử lý theo quy định của pháp luật theo hướng dẫn Công Văn 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những nhận định trên thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng và buộc anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 đều có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ. Kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Đăk H4 và kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Thu H1 không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: Do kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn chị Phạm Thị Thu H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Thu H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 303; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Căn cứ Điều 5; Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H đối với bị đơn anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1.

1. Buộc anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/4/2024 là: 2.385.544.698 đồng (*Hai tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó nợ tiền gốc: 1.899.999.996 đồng; nợ lãi trong hạn 21.289.914 đồng; nợ lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả lãi trong hạn là 464.254.788 đồng.



Kể từ ngày tiếp theo ngày 09/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 4652/22MN/HĐTD ngày 27/01/2022 và kế ước nhận nợ.

Trường hợp anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 3869/22MN/HĐBĐ ngày 27/01/2022 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 443 và thửa đất số 444 cùng tờ bản đồ số 25; địa chỉ: Đường N, tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 957080, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09036 mang tên ông Phan Thanh T1 và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 957081, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09037 mang tên bà Phạm Thị Thu H1, đều do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 18/01/2022

Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H cho đến khi thanh toán xong.

**2. Buộc anh Phan Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H số tiền nợ theo hợp đồng mở thẻ tín dụng tính đến ngày đến hạn thanh toán ngày 09/4/2024 là: 37.902.232 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi hai đồng); Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 19.339.728 đồng; nợ lãi tổng cộng là 18.562.502 đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo ngày 09/4/2024, cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 20/07/2022.

### **3. Chi phí tố tụng:**

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H số tiền là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

- Chi phí giám định: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H phải trả lại cho chị Phạm Thị Thu H1 số tiền là 2.835.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 5; Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Anh Phan Thanh T1 và chị Phạm Thị Thu H1 phải chịu 79.710.893 đồng (*Bảy mươi chín triệu bảy trăm mười nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phan Thanh T1 phải chịu 1.895.111 đồng (*Một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn một trăm mười một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ riêng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tài khoản 36.670.033 (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn không trăm ba mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001804 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001386 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, chị H1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh. Kon Tum;
- Chi cục THADS H. Đắk Hà;
- VKSND H. Đắk Hà;
- TAND H. Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Vân**

